

2023/24 年度中五級補課時間表

Week	Tue.	Thu.	Tue.	Thu.	Tue.	Thu.	Tue.	Tue.	Thu.	Thu.	Tue.	Thu.	Tue.	Thu.	Tue.	Thu.	Tue.	Thu.	Tue.	Thu.
Date	20/2	22/2	27/2	29/2	5/3	7/3	12/3	19/3	21/3	11/4	16/4	18/4	23/4	25/4	30/4	2/5	7/5	9/5	14/5	16/5
5A	Chi.	Eng.	Ma.	M1	CSD	X1	X2	Chi.	Ma.	Eng.	CSD	X1	X2	M1	Chi.	Eng.	Ma.	CSD	X1	X2
5B	Chi.	Eng.	Ma.	M1	CSD	X1	X2	Chi.	Ma.	Eng.	CSD	X1	X2	M1	Chi.	Eng.	Ma.	CSD	X1	X2
5C	Chi.	Eng.	CSD	M1	Ma.	X1	X2	Chi.	CSD	Eng.	Ma.	X1	X2	M1	Chi.	Eng.	CSD	Ma.	X1	X2
5D	Chi.	Eng.	CSD	M1	Ma.	X1	X2	Chi.	CSD	Eng.	Ma.	X1	X2	M1	Chi.	Eng.	CSD	Ma.	X1	X2

上課地點：				
Venue	Chi./Ma./CSD	Eng.	Block 1	Block 2
Rm 505	5A	G1	Bio.	Chem.
Rm 506	5B	G2	Eco.	Acct.
Rm 406	5C	G3	THS	BM
Rm 306	5D	5D	Hist.	Geog.
Rm 206/A201	----	G4(206)	Phy.(206)	ICT(A201)
Rm 505	M1	----	----	----
Rm A501a	----	----	----	C.Hist.